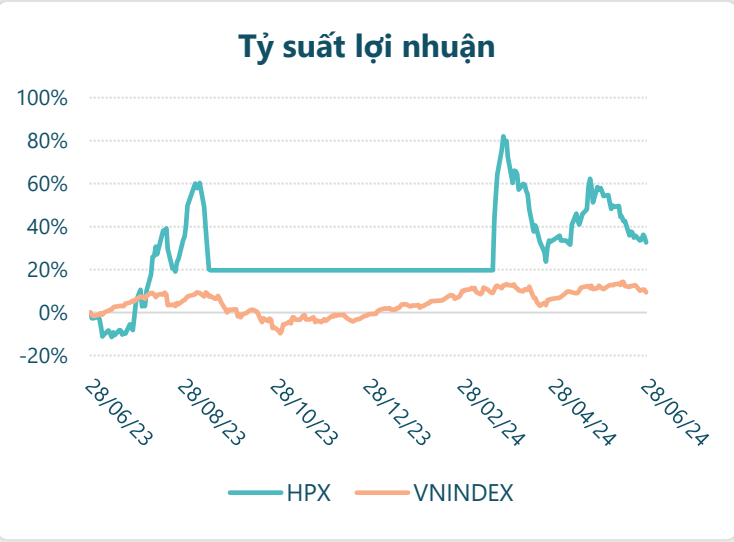


Ngày	6,050 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-14.2%	-23.0%	10.8%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,040 - 8,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,840
Số lượng CPLH (CP)	304,168,581
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,948,510
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.99
EPS	396
P/E	15.3



Doanh thu thuần
Q2/24

331

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.00 | 2.3%

YoY: ▼416 | -55.6%

Nợ/VCSH
Q2/24

134%

YoY: +/- ▼ 8.2%

LN gộp
Q2/24

95.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 26.2 | 38.1%

YoY: ▼70.0 | -42.4%

ROE (TTM)
Q2/24

3.4%

YoY: +/- ▼ 1.5%

LN trước thuế
Q2/24

45.9

tỷ VNĐ

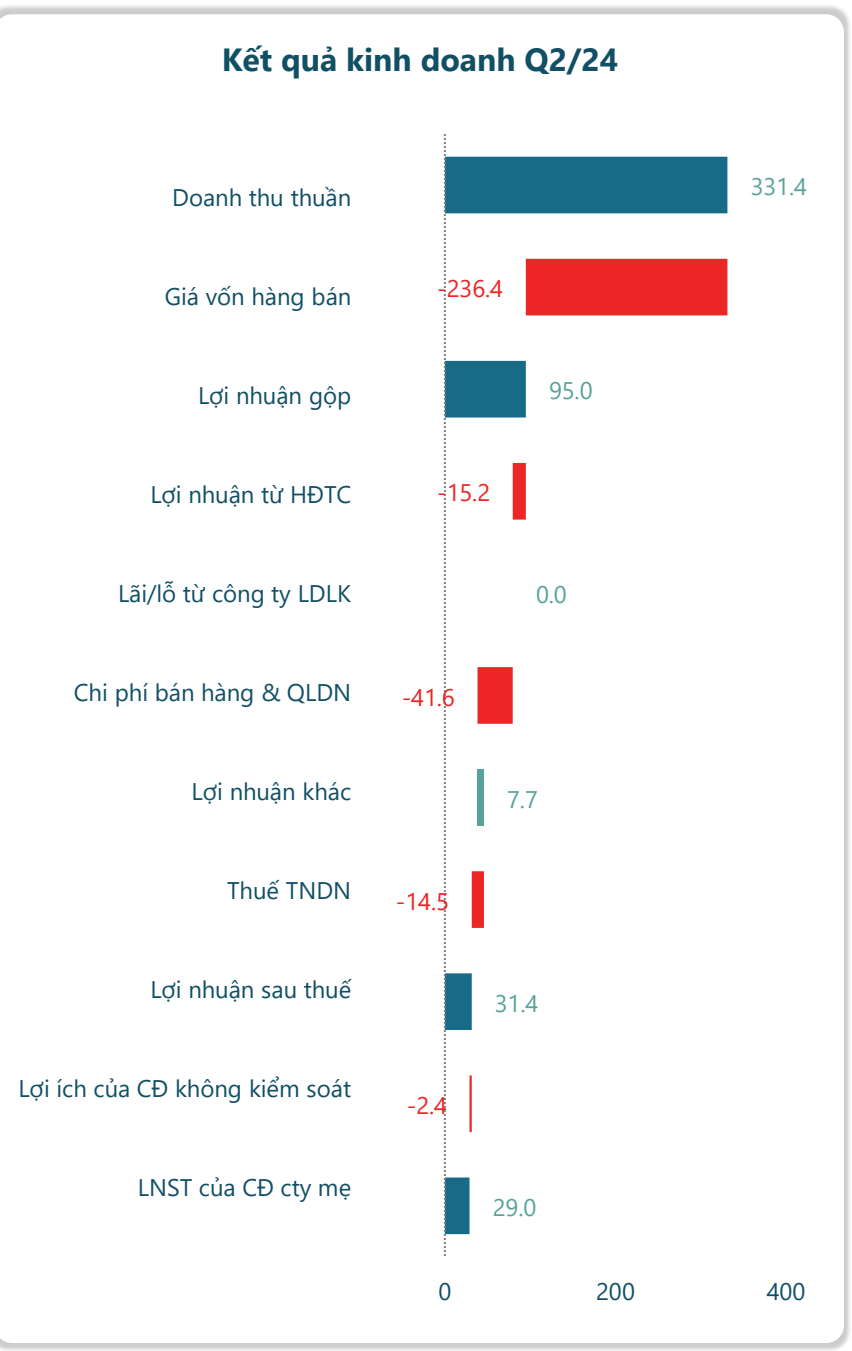
QoQ: ▲ 24.1 | 111%

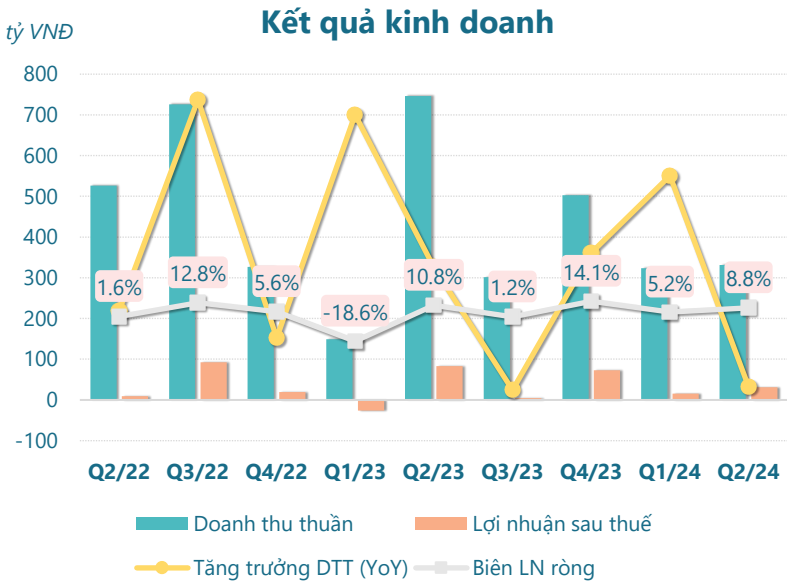
YoY: ▼56.1 | -55.0%

ROA (TTM)
Q2/24

1.4%

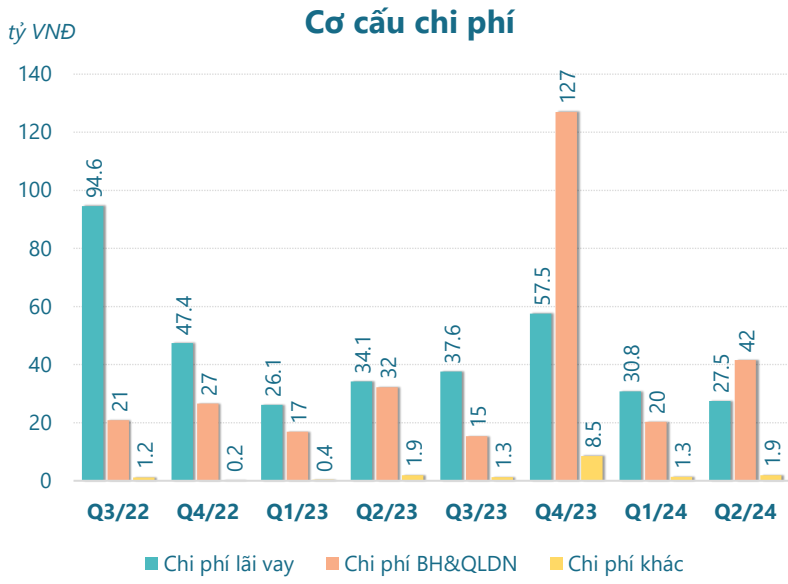
YoY: +/- ▼ 0.5%





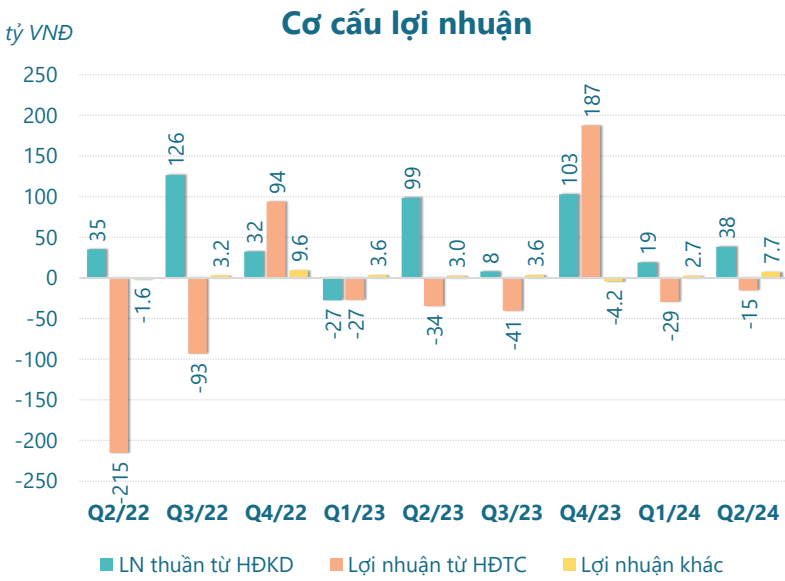
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 38.19 tỷ đồng**, tăng thêm 99.7% so với kỳ trước và thấp hơn 61.3% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 15.24 tỷ đồng** tăng thêm 14.16 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 19.25 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 7.70 tỷ đồng**, tăng thêm 183% so với kỳ trước và cao hơn 155% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **HPX** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **331.4 tỷ đồng** giảm đi **55.6%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 31.41 tỷ đồng**, **giảm sút 62.3%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **655.0 tỷ đồng** thấp hơn 26.9% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 47.00 tỷ đồng** thấp hơn 17.5% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **27.45 tỷ đồng** giảm đi 10.8% so với kỳ trước và thấp hơn 19.6% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **41.56 tỷ đồng** tăng thêm 105% so với kỳ trước và cao hơn 29.0% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **1.90 tỷ đồng** tăng thêm 41.8% so với kỳ trước và cao hơn 1.06% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	331	324	2.3%	747	-55.6%	655	896	-26.9%
Giá vốn hàng bán	236	255	-7.3%	581	-59.3%	491	714	-31.2%
Lợi nhuận gộp	95.0	68.8	38.1%	165	-42.4%	164	182	-9.9%
Doanh thu HĐTC	12.8	2.50	414%	1.89	579%	15.3	2.61	489%
Chi phí TC	28.1	31.9	-12.0%	36.4	-22.9%	60.0	64.0	-6.4%
Chi phí lãi vay	27.5	30.8	-10.9%	34.1	-19.5%	58.2	60.3	-3.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	28.0	8.74	221%	14.8	89.3%	36.8	17.4	111%
Chi phí QLDN	13.5	11.5	17.7%	17.4	-22.2%	25.1	31.7	-20.9%
LN thuần từ HĐKD	38.2	19.1	99.9%	98.7	-61.3%	57.3	71.2	-19.6%
Lợi nhuận khác	7.70	2.72	183%	3.02	155%	10.4	6.61	57.8%
LN trước thuế	45.9	21.8	111%	102	-55.0%	67.7	77.9	-13.0%
Lợi nhuận sau thuế	31.4	15.8	98.8%	83.3	-62.3%	47.2	57.2	-17.5%
LNST của CĐ cty mẹ	29.0	16.8	72.7%	80.6	-64.0%	45.9	52.9	-13.3%

